

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 5 - 2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Bờ.

2. Bà Trương Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Dau - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 349/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 78/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Số 21 tổ 01, ấp PL, xã TP, huyện TS, tỉnh AG (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Ấp HT, xã ĐHC, huyện CP, tỉnh AG (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/10/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Bà H và ông Th do mai mối và tự nguyện tiến tới hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐHC, huyện CP, tỉnh AG vào ngày 21/5/2020. Ban đầu

vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian dần về sau thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không hòa hợp, thường xuyên cãi vã nhau; ông Th thường xuyên uống rượu về nhà đánh chửi vợ con; vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2021 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn nên bà H yêu cầu giải quyết cho ly hôn với ông Th.

- Về con chung: Bà H và ông Th có 03 con chung tên Phạm Thị Tố Tr, sinh ngày 24/01/2004; Phạm Thị Tú Ng, sinh ngày 28/3/2010 và Phạm Th T, sinh ngày 17/01/2012, cả 03 con đang chung sống với bà H. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con. Bà H có chỗ ở ổn định, đi làm thuê thu nhập đủ khả năng nuôi dưỡng các con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác nhưng bị đơn ông Phạm Văn Th vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án.

Tại phiên tòa,

Bà H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, trong đó bà H giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận cho bà H ly hôn với ông Th.

- Về con chung: Đề nghị giao cả hai con chung tên Phạm Thị Tú Ng, sinh ngày 28/3/2010 và Phạm Th T, sinh ngày 17/01/2012 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu ông Th cấp dưỡng cho các con nên không xem xét. Đối với con chung tên Phạm Thị Tố Tr, sinh ngày 24/01/2004, do hiện nay đã thành niên và có khả năng lao động được nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự về việc ly hôn, bị đơn cư trú tại huyện CP, tỉnh AG nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu

Phù theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Bà H và ông Th tự nguyện tiến tới hôn nhân, bắt đầu chung sống từ năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐHC, huyện CP, tỉnh AG vào ngày 21/5/2020 nên hôn nhân được pháp luật công nhận kể từ ngày đăng ký kết hôn; làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, bà H và ông Th có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không hòa hợp nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2021 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để ghi nhận ý kiến, tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng ông Th vắng mặt nên việc hòa giải đoàn tụ không thành; cho đến nay vợ chồng vẫn sống ly thân và không thể tự hàn gắn tình cảm.

[2.2] Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; có nghĩa vụ sống chung với nhau. Tuy nhiên, giữa bà H và ông Th đã không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H ly hôn với ông Th theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà H và ông Th có 03 con chung tên Phạm Thị Tố Tr, sinh ngày 24/01/2004; Phạm Thị Tú Ng, sinh ngày 28/3/2010 và Phạm Th T, sinh ngày 17/01/2012, cả 03 con đang chung sống với bà H. Xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng các con; cả ba con chung đều có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với bà H. Đối với con chung tên Phạm Thị Tố Tr hiện nay đã thành niên và có khả năng lao động được nên Hội đồng xét xử không xem xét. Riêng đối với con chung tên Phạm Thị Tú Ng và Phạm Th T, để tạo điều kiện cho các con ổn định về tâm lý, chỗ ở, học tập và đảm bảo sự phát triển bình thường của các con, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cả hai con chung tên Phạm Thị Tú Ng và Phạm Th T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng: Bà H không yêu cầu ông Th cấp dưỡng cho các con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét; trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Th không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị H ly hôn với ông Phạm Văn Th.

2. Về con chung:

- Bà Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung tên Phạm Thị Tú Ng, sinh ngày 28/3/2010 và Phạm Thanh T, sinh ngày 17/01/2012.

- Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu ông Phạm Văn Th cấp dưỡng cho các con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Ông Phạm Văn Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bà Nguyễn Thị H cùng các thành viên gia đình của bà H, không được cản trở ông Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp ông Th lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Th.

- Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền

300.000 đồng tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0003393 ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP, tỉnh AG.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- CCTHADS huyện Châu Phú;
- UBND xã ĐHC
- (khi có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Thu Thủy

Nguyễn Hoàng Tuấn

Nguyễn Duy Linh

